

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TILOVN**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TILOVN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TILOVN TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: TILOVN., JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 2400958552

**3. Ngày thành lập:** 23/03/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Thôn Đức Liễn, Xã Hồng Thái, Huyện Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Điện thoại: 0365926218

Fax:

Email: [ktstilovn@gmail.com](mailto:ktstilovn@gmail.com)

Website: [ktsvivutilovn.com](http://ktsvivutilovn.com)

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                        | Mã ngành |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý, môi giới hàng hóa<br>(Không bao gồm hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                   | 4610     |
| 2.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                                                                                                               | 4649     |
| 3.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                              | 4651     |
| 4.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                               | 4652     |
| 5.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                                                                                  | 4659     |
| 6.  | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan                                                                                                                                                                                                     | 4661     |
| 7.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>Chi tiết: Tổ chức sự kiện, hội thảo, hội nghị (không thực hiện các hiệu ứng cháy nổ và không sử dụng chất cháy nổ, chất cháy, hóa chất- Làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh) | 8230     |
| 8.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: thực hiện quyền xuất nhập khẩu hàng hóa theo quy định của pháp luật.                                                                                                        | 8299     |
| 9.  | Đào tạo sơ cấp                                                                                                                                                                                                                                                   | 8531     |
| 10. | Đào tạo trung cấp                                                                                                                                                                                                                                                | 8532     |
| 11. | Đào tạo cao đẳng                                                                                                                                                                                                                                                 | 8533     |
| 12. | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                             | 8559     |
| 13. | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục                                                                                                                                                                                                                                          | 8560     |
| 14. | Lập trình máy vi tính<br>Chi tiết: Sản xuất gia công phần mềm máy tính                                                                                                                                                                                           | 6201     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                          |                                                              |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 15. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính<br>Chi tiết: Tư vấn đầu tư phát triển phần mềm; tư vấn giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin                                                                                                        | 6202(Chính)                                                  |
| 16. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính                                                                                                                                                                          | 6209                                                         |
| 17. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan                                                                                                                                                                                                       | 6311                                                         |
| 18. | Cổng thông tin<br>Chi tiết: Thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp                                                                                                                                                                                   | 6312                                                         |
| 19. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính)                                                                                                                                    | 6619                                                         |
| 20. | Hoạt động tư vấn quản lý<br>Chi tiết: Hoạt động tư vấn quản lý doanh nghiệp (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp lý)                                                                                                                                     | 7020                                                         |
| 21. | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ                                                                                                                                                                | 7212                                                         |
| 22. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                | 7310                                                         |
| 23. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                                                                                 | 7320                                                         |
| 24. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Thiết kế quảng cáo, thiết kế - trang trí nội thất, thiết kế website                                                                                                                                          | 7410                                                         |
| 25. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Tư vấn công nghệ (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuê và chứng khoán)                                                               | 7490                                                         |
| 26. | Dịch vụ liên quan đến in                                                                                                                                                                                                                                 | 1812                                                         |
| 27. | Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                       | 4783                                                         |
| 28. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu<br>(trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                  | 4799                                                         |
| 29. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                   | 4741                                                         |
| 30. | (Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, các quy định khác của pháp luật hiện hành và đáp ứng đủ các điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện) | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông            | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức     | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | THÂN THỊ<br>KHÁNH LINH | Tổ dân phố My<br>Điền, Thị trấn<br>Nền, Huyện Việt<br>Yên, Tỉnh Bắc<br>Giang, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 50.000        | 500.000.000              | 25,000       | 122314525                                                                                                              |            |
|     |                        |                                                                                        | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                        |                                                                                        | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                        |                                                                                        | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                        |                                                                                        | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                        |                                                                                        | Tổng số                            | 50.000        | 500.000.000              | 25,000       |                                                                                                                        |            |
| 2   | THÂN<br>QUANG TIỆN     | Thôn Đức Liễn,<br>Xã Hồng Thái,<br>Huyện Việt Yên,<br>Tỉnh Bắc Giang,<br>Việt Nam      | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 80.000        | 800.000.000              | 40,000       | 0240730016<br>00                                                                                                       |            |
|     |                        |                                                                                        | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                        |                                                                                        | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                        |                                                                                        | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                        |                                                                                        | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                        |                                                                                        | Tổng số                            | 80.000        | 800.000.000              | 40,000       |                                                                                                                        |            |

|   |              |                                                                                   |                           |         |               |         |              |
|---|--------------|-----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------|---------------|---------|--------------|
| 3 | CAO ĐỨC LONG | Số 480 tổ 7, Khu 9, Phường Nông Trang, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 700.000 | 7.000.000.000 | 350,000 | 025080005988 |
|   |              |                                                                                   | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000   |              |
|   |              |                                                                                   | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000   |              |
|   |              |                                                                                   | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000   |              |
|   |              |                                                                                   | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000   |              |
|   |              |                                                                                   | Tổng số                   | 700.000 | 7.000.000.000 | 350,000 |              |
|   |              |                                                                                   |                           |         |               |         |              |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                         |           |                                                                                                               |         |

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: **THÂN QUANG TIẾN**

Giới tính: **Nam**

Chức danh: **Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc**

Sinh ngày: **19/10/1973**

Dân tộc: **Kinh**

Quốc tịch: **Việt Nam**

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: **Thẻ căn cước công dân**

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: **024073001600**

Ngày cấp: **11/04/2021**

Nơi cấp: **Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội**

Địa chỉ thường trú: **Thôn Đức Liễn, Xã Hồng Thái, Huyện Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam**

Địa chỉ liên lạc: **Thôn Đức Liễn, Xã Hồng Thái, Huyện Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam**

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Giang